

UBND HUYỆN BÁT XÁT
TRƯỜNG TH&THCS BẢN QUA
BÁO CÁO CÔNG KHAI
(Tháng 9/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung

Tên trường: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bản Qua

Tên trước đây: Trường Trung học cơ sở Bản Qua và trường Tiểu học Bản Qua

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Bát Xát

Địa chỉ: Thôn Tân Hồng – xã Bản Qua – Huyện Bát Xát- Tỉnh Lào Cai

Tỉnh/thành phố	Lào Cai	Họ và tên hiệu trưởng (giám đốc)	Bùi Thị Hồng Mơ
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Bát Xát	Điện thoại	0384600857
Xã/phường/thị trấn	Bản Qua	FAX	Không
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	http://thcsbanqua.batxat.edu.vn
Năm thành lập	25/8/2000	Số điểm trường	
Công lập	X	Loại hình khác	

1.2. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

*** Tầm nhìn**

Trở thành trường học có uy tín, chất lượng hàng đầu của huyện. Là nơi học sinh được phát triển toàn diện, tự tin và sáng tạo. Là địa chỉ tin cậy của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

*** Sứ mệnh**

Xây dựng môi trường giáo dục chất lượng cao, thân thiện, an toàn, hiệu quả. Phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của học sinh. Góp phần xây dựng địa phương phát triển về văn hóa, giáo dục.

*** Hệ thống giá trị của trường**

Nhân văn - Trách nhiệm - Sáng tạo - Hợp tác.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

- Trường TH&THCS Bản Qua thành lập năm 2000. Trong 20 năm xây dựng và phát triển, nhà trường được Phòng GD&ĐT Huyện Bát Xát, Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai, Đảng ủy và chính quyền địa phương và các cấp lãnh đạo tỉnh, thành phố luôn quan tâm theo dõi, giúp đỡ và chỉ đạo sát sao.

- Trong những năm qua, nhà trường đã tạo được những chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng giáo dục và đào tạo. Năm học 2010-2011, trường được công nhận trường chuẩn quốc gia. Năm 2020 – 2021 nhà trường được đánh giá duy trì công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 1. Hàng năm nhà trường đều huy động 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học ra lớp, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS trung bình 97,5%. Tỷ lệ chuyên cần đạt 99,7 đến 99.8%. Duy trì bền vững PCGD TH và THCS.
- Nhà trường có đội ngũ cán bộ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng yêu cầu giảng dạy và giáo dục, yên tâm công tác, có tinh thần trách nhiệm cao. 100% cán bộ giáo viên có trình độ đào tạo chuẩn và trên chuẩn. Cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm 05 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng, có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Chữ thập đỏ. Các tổ chức, đoàn thể thực hiện nhiệm vụ và hoạt động dưới sự lãnh chỉ đạo của Chi bộ Đảng và Ban giám hiệu nhà trường.
- Cơ sở vật chất nhà trường được đầu tư cải thiện.
- Được sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương, sự ủng hộ đồng thuận cao của cha mẹ học sinh, sự phối hợp giúp đỡ của các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường. Hầu hết học sinh có mục tiêu, nền nếp, ý thức học tập tốt. Tuy nhiên mặt bằng dân trí, kinh tế của địa phương không đồng đều; cha mẹ học sinh chủ yếu làm nghề tự do, kinh tế không ổn định, điều kiện quan tâm đến con em chưa thường xuyên, tỉ lệ học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, mồ côi cha mẹ tương đối cao.

1.4. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Bùi Thị Hồng Mơ
 Chức vụ: Hiệu trưởng trường THCS bản Qua – Huyện Bát Xát – Tỉnh Lào cai
 Số điện thoại: 0384600857
 Địa chỉ thư điện tử: Buimophinngan@gmail.com

1.5. Tổ chức bộ máy

- Quyết định thành lập trường: Quyết định số 130/QĐ-UB ngày 28 tháng 8 năm 2000 của Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát.
- Quyết định công nhận hội đồng trường: QĐ 6968/QĐ-UBND ngày 3 tháng 10 năm 2024 về kiện toàn hội đồng trường phổ thông công lập trên địa bàn huyện Bát Xát, nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách Hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Đảng viên	Trình độ đào tạo		Chức vụ trong Hội đồng trường	Chức vụ trong đơn vị công tác
		Nam	Nữ			Chuyên môn	LLCT		
1	Bùi Thị Hồng Mơ		1984	Kinh	x	Đại học	Trung cấp	Chủ tịch	Hiệu trưởng

2	Vũ Thị Thúy Bình		1975	Kinh	x	Đại học	Trung cấp	Phó Chủ tịch TT	Phó BT chi bộ, PHT, Chủ tịch CĐ
3	Lò Văn Xuyên	1978		Giấy	x	Đại học	Trung cấp	Phó Chủ tịch TT	Phó Hiệu trưởng
4	Đỗ Thị Phương Hoa		1973	Kinh	x	Đại học	Trung cấp	Phó Chủ tịch TT	Phó Hiệu trưởng
5	Hoàng Thủy Tiên		1985	Kinh	x	Đại học		Thành viên	Thư ký HĐ, giáo viên
6	Đồng Thị Thu Hương		1981	Kinh		Đại học		Thành viên	Tổ trưởng Tổ chuyên môn
7	Phạm Thị Thúy Vân		1983	Kinh	x	Đại học	Trung cấp	Thành viên	Tổ trưởng tổ chuyên môn
8	Lý Hương Giang		1973	Giấy	x	Đại học		Thành viên	Tổ trưởng tổ 1,2,3
9	Hù Thị Lợi		1988	Giấy	x	Đại học		Thành viên	Tổ trưởng tổ 4,5
10	Phạm Thị Hoa		1983	Kinh	x	Đại học		Thành viên	Tổ trưởng tổ CB khối TH
11	Nguyễn Thị Hằng		1987	Kinh	x	Đại học		Thành viên	Tổng phụ trách đội
12	Bùi Văn Sáu	1973		Kinh	x	Đại học	TC	Phó Chủ tịch	Phó CT UBND xã Bản Qua
13	Phan Thị Thu		1987	Giấy	x			Thành viên	Đại diện Hội CMHS
14	Hồ Thanh Thảo		2010	Giấy				Thành viên	Học sinh

- Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng: QĐ số 5863/QĐUBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 về điều động bổ nhiệm CBQL trường học; Phó hiệu trưởng: QĐ số 5883/QĐUBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc bổ nhiệm lại CBQL trường học.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục: Đảm bảo theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông các cấp học;

- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có):

Họ và tên: Bùi Thị Hồng Mơ

Chức vụ: Hiệu trưởng trường THCS Bản Qua – Huyện Bát Xát – Tỉnh Lào cai
Số điện thoại: 0384600857

Địa chỉ thư điện tử: Buimophinngan@gmail.com

1.6. Một số văn bản khác

- Kế hoạch số 12/KH-THCSBQ ngày 15 tháng 9 năm 2020 của trường TH&THCS Bản Qua kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- QĐ số 101/QĐ-THCSBQ ngày 4 tháng 10 năm 2024 ban hành quy chế thực hiện dân chủ trường THCS Bản Qua năm học 2024-2025.

- Nghị quyết Hội đồng trường (đính kèm theo)

2. THU, CHI TÀI CHÍNH NĂM HỌC 2024-2025

2.1. Tình hình tài chính cơ sở giáo dục năm học 2024-2025

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí

- Ngân sách nhà nước năm 2025: 9.536.732 đồng

b) Các khoản thu chi năm học 2024-2025

a) Các khoản thu

* Các khoản thu và mức thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc UBND xã Bát Xát (*Đề nghị báo cáo chi tiết theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai*).

- **Tổng thu:** 19.500.000đồng trong đó

Tiền nước uống : 19.500.000đ

* Các khoản thu xã hội hoá giáo dục đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thuộc UBND xã Bát Xát

- Tổng thu : 19.455.000đồng

b) Các khoản chi

Tổng Chi tiền nước : **19.500.000** đồng

+ Chi các khoản từ vận động tài trợ: 19.455.000đ

- Chi sửa chữa lớp học và làm cửa xếp : 14.400.000đ

- Chi nghiên cứu khoa học và sáng tạo thanh thiếu niên : 5.055.000

2.3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Hỗ trợ chi phí học tập: 38.460.000 đồng cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh thuộc thôn xã khu vực III kì 2 năm học 2024-2025

II. CÔNG KHAI ĐỐI VỚI CƠ SỞ GDPT

1. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo	Hạng chức danh nghề nghiệp	Chuẩn nghề nghiệp	BDTX
-----	----------	---------	------------------	----------------------------	-------------------	------

			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Kh á	Đạt	CD	HT	C H T
Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên		33			30	1	2					29	-	-	-	33	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	25			25				14	11		25	-	-	-	25	0
1	Thể dục	2			2				1	1		2				2	
2	Âm nhạc	2			2				1	1		2				2	
3	Mỹ thuật	2			2					2		2				2	
4	Tin học	1			1					1		1				1	
5	Tiếng Anh	2			2				1	1		2				2	
6	Ngữ Văn	2			2				1	1		2				2	
7	Lịch sử																
8	Địa lý	1			1				1			1				1	
9	Toán học	2			2				1	1		2				2	
10	Vật lý																
11	Hóa học																
12	Sinh học																
13	GDCD																
14	Công nghệ																
15	Tiểu học																
II	Cán bộ quản lý	4			4				2	2		4	-	-	-	4	0
1	Hiệu trưởng	1			1					1		1				1	
2	Phó hiệu trưởng	3			3				2	1		3				3	
III	Nhân viên	4			1	1	2					4				4	0
1	Nhân viên văn thư	1					1					1				1	

2	Nhân viên kế toán	1			1						1				1	
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên thư viện	1				1					1				1	
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1				1					1				1	
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
8	Nhân viên công nghệ thông tin															
9	...															

2. Cơ sở vật chất và học liệu dùng chung

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	15	1,42 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	5	31,6 HS/phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	14	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	5	
7	Khối phòng hành chính – quản trị	7	
8	Bình quân lớp/phòng học	1	1/1
9	Bình quân học sinh/lớp	158	31,6HS/lớp
III	Số điểm trường	02	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5.877.70	40m ² /1HS (Vượt mức tối thiểu)

V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1200	20% Tổng diện tích (thiếu 5%)
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	45	
3	Diện tích thư viện (m ²)	45	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	220	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	60	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
	Thêm các khối TH		
1.1	Khối lớp 6	1	Đạt mức tối thiểu
1.2	Khối lớp 7	1	Đạt mức tối thiểu
1.3	Khối lớp 8+9	2	Đạt mức tối thiểu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định Thêm các khối TH		
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8+9	2	2
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	
4	Vườn thuốc nam	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	21 2 phòng tin cơ mà	2 HS/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/trường
1	Ti vi	7	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa/loa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	

5	Thiết bị khác...					
6						
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
XI	Nội dung			Số lượng		So sánh
	Danh mục SGK tối thiểu			03 bộ/1 khối		Đạt mức tối thiểu cho CBGVNVHS

3. Kiểm định chất lượng giáo dục.

- Kết quả tự đánh giá của nhà trường: Đạt mức 2. Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm từng bước nâng cao chất lượng.
- Kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2025 (đính kèm theo)
- Năm 2021 nhà trường được công nhận KĐCL mức 2, Chuẩn Quốc Gia mức độ I.

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1		x	x	
Tiêu chí 2		x	x	
Tiêu chí 3		x	x	x
Tiêu chí 4		x	x	x
Tiêu chí 5		x	x	
Tiêu chí 6		x	x	
Tiêu chí 7		x	x	
Tiêu chí 8		x	x	
Tiêu chí 9		x	x	
Tiêu chí 10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 1		x	x	x

Tiêu chí 2		x	x	x
Tiêu chí 3		x	x	
Tiêu chí 4		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 1		x	x	x
Tiêu chí 2		x	x	
Tiêu chí 3		x	x	
Tiêu chí 4		x	x	
Tiêu chí 5		x	x	
Tiêu chí 6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 1		x	x	x
Tiêu chí 2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 1		x	x	x
Tiêu chí 2		x	x	x
Tiêu chí 3		x	x	
Tiêu chí 4		x	x	
Tiêu chí 5		x	x	x
Tiêu chí 6		x	x	

4. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục

4.1. Thông tin về KHGD của năm học 2025-2026

- Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường năm học 2025-2026

(Đăng trên websidle nhà trường: thcsbanqua.batxat.thongke.edu.vn)

- Kế hoạch giáo dục của nhà trường (kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch phát triển, kế hoạch giáo dục)

(Đăng trên websidle nhà trường: thcsbanqua.batxat.thongke.edu.vn)

- Các loại hồ sơ khác

+ Các loại kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo học sinh...

+ Cam kết phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong công tác giáo dục học sinh

+ Các quy định của nhà trường.

(Được đính kèm và lưu trữ đảm bảo theo quy định)

4.2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024 – 2025.

a) Kết quả tuyển sinh:

- Năm học 2024-2025

Số lớp, học sinh:

TS: 15 lớp = 420 HS. Cụ thể:

+ TH: Tổng số 263 Học sinh (trong đó Nam: 140 Nữ: 123; Dân tộc: 217, nữ dân tộc: 102 học sinh).

+ THCS: Tổng số 157 Học sinh (trong đó Nam: 95, Nữ: 62; Dân tộc: 129, nữ dân tộc: 51).

- Tuyển mới: 43/43 (trong đó 05 HS đỗ PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát

b) Năm học: 2025-2026:

Tổng số: 15 lớp = 421 học sinh. Cụ thể:

Khối 1: 02 lớp = 56 HS

Khối 2: 02 lớp = 48 HS

Khối 3: 02 lớp = 54 HS

Khối 4: 02 lớp = 57 HS

Khối 5: 02 lớp = 52 HS

Khối 6: 02 lớp = 54 HS.

Khối 7: 01 lớp = 38 HS.

Khối 8: 01 lớp = 29 HS.

Khối 9: 01 lớp = 37 HS.

Trong đó: Học sinh Dân tộc: 346 HS (82,2%)

Học sinh nữ: 186 HS (44,2%)

Học sinh nữ dân tộc: 143 HS

- **Tuyển mới: 56/58 (02 HS đỗ PTDTNT TH&THCS Bát Xát)**

c. Chất lượng học sinh giỏi các cấp

Cấp Tiểu học:

+ Cuộc thi Em yêu Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Cấp huyện: 09 giải (trong đó 04 giải nhì, 05 giải ba).

+ Cuộc thi Em yêu Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, cấp tỉnh: 02 giải ba.

+ Cuộc thi Học sinh đạt giải viết đúng - viết đẹp cấp huyện: 12 giải

+ Cuộc thi Học sinh đạt giải viết đúng - viết đẹp cấp tỉnh: 02 giải ba.

+ Cuộc thi Kể chuyện tiếng Anh cấp huyện: 02 giải KK

+ Cuộc thi Vẽ Bức tranh quê hương cấp tỉnh: 01 giải nhì.

+ Cuộc thi Sáng Kiến bạo lực cấp huyện: 03 giải (trong đó 01 giải nhì, 01 giải ba, 01 giải KK).

Cấp THCS:

+ HSG lớp 9 cấp trường: Tổng số học sinh dự thi: 14. Học sinh đạt giải: 11.

Trong đó: Nhất: 0; Nhì: 0; Ba: 03; KK: 07

+ HSG lớp 9 cấp huyện: Tổng số học sinh dự thi: 10. Học sinh đạt giải 07.

Trong đó: Văn 01 (nhì); Lịch sử 02 (01 nhì; 01 KK); Địa lý: 02 (02 nhì) Tiếng Trung 01 (ba); GD&ĐT: 01 (KK).

+ HSG lớp 9 cấp Tỉnh: Tổng số học sinh dự thi: 04. Học sinh đạt giải: 02.
Trong đó: Tiếng trung 01 (Nhì); Văn 01 (KK).

+ Thi NCKH cấp huyện: 02 sp đạt giải Tư.

+ HSG 6,7,8 cấp trường: Tổng số học sinh dự thi: 36. Học sinh đạt giải: 26.
Trong đó: Nhì: 01, Ba: 07, KK: 18.

+ HSG 6,7,8 cấp huyện: Tổng số học sinh dự thi: 18. Học sinh đạt giải: 14.
Trong đó: Nhì: 02Ba: 06, KK: 06.

+ Học sinh thi năng khiếu nghệ thuật cấp huyện: 01 học sinh tham dự đạt giải nhì.

+ Học sinh thi năng khiếu nghệ thuật cấp tỉnh: 01 học sinh tham dự đạt giải khuyến khích.

- Phân luồng:

+ Cấp TH: 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học

+ Cấp THCS: Phân luồng lớp 9 (TSHS: 54: Nội trú Tỉnh 07; THPT số 1: 24, THPT số 2: 11; GDTX:10; Cao đẳng nghề: 02).

d) Chất lượng đội ngũ:

Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường khối Tiểu học đạt 15/18 đồng chí = 83,3%, khối Trung học cơ sở đạt 11/11 đồng chí – 100%; dự thi Giáo viên dạy giỏi cấp huyện khối Tiểu học đạt 7/18 đồng chí = 38,9%, khối Trung học cơ sở đạt 11/11 đồng chí – 100%; dự thi Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh khối Tiểu học đạt 3/18 đồng chí = 16,7%, Giáo viên giỏi cấp tỉnh khối Trung học cơ sở 02 đồng chí đạt (bảo lưu kết quả năm trước) (Vượt 100% các chỉ tiêu về Giáo viên dạy giỏi).

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Thực hiện đảm bảo các nhiệm vụ trọng tâm khác, các chỉ tiêu đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên đây là báo cáo thường niên về công tác công khai tháng 9 của trường Tiểu học&THCS Bản Qua./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Bùi Thị Hồng Mơ